Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2701.11.00

Mã HS	2701.11.00
Mô tả hàng hóa	Than đá; than bánh, than quả bàng và nhiên liệu rắn tương tự sản xuất từ than đá / - Than đá, đã hoặc chưa nghiền thành bột, nhưng chưa đóng bánh: / - - Anthracite
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 03:13:04
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/27011100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	3	3%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3246
Thuế NK ưu đãi (MFN)	2	2%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3246
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3246
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường	MT	Chịu thuế BVMT – xem biểu	579/2018/UBTVQH14	2018-09-26	BT2026!CV3246
Thuế xuất khẩu	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3246
Thuế XK ưu đãi CPTPP	10	10%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM3246
Thuế XK ưu đãi EVFTA	10	10%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP3246
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	10	10%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS3246

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3232
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3193
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3193
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3193
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3193
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3193
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3193
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3231
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3231

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3231
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3231
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3231
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3231
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3235
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3235
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3235
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3235
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3235
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3235
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3235
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3199
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3195
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3195
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3195
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3195
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3195
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3195
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3195
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3195
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3195
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3195
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3195
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3195
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3242
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3242

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3242
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3242
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3242
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3242
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3239
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3239
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3239
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3239
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3239
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3239
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3247
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3247
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3247
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3247
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3247
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3247
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3218
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3218
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3218
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3218
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3218
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3218
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3220
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3220
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3220
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3220

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3220
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3220
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3216
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3216
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3216
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3216
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3216
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3216
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3216
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3239
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3239
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3239
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3239
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3239
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3239
RCEP B	2022	2022	0	B!D3239
RCEP B	2023	2023	0	B!E3239
RCEP B	2024	2024	0	B!F3239
RCEP B	2025	2025	0	B!G3239
RCEP B	2026	2026	0	B!H3239
RCEP B	2027	2027	0	B!I3239
RCEP C	2022	2022	0	C!D3239
RCEP C	2023	2023	0	C!E3239
RCEP C	2024	2024	0	C!F3239
RCEP C	2025	2025	0	C!G3239
RCEP C	2026	2026	0	C!H3239

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3239
RCEP D	2022	2022	0	D!D3239
RCEP D	2023	2023	0	D!E3239
RCEP D	2024	2024	0	D!F3239
RCEP D	2025	2025	0	D!G3239
RCEP D	2026	2026	0	D!H3239
RCEP D	2027	2027	0	D!I3239
RCEP E	2022	2022	0	E!D3242
RCEP E	2023	2023	0	E!E3242
RCEP E	2024	2024	0	E!F3242
RCEP E	2025	2025	0	E!G3242
RCEP E	2026	2026	0	E!H3242
RCEP E	2027	2027	0	E!I3242
RCEP F	2022	2022	0	F!D3239
RCEP F	2023	2023	0	F!E3239
RCEP F	2024	2024	0	F!F3239
RCEP F	2025	2025	0	F!G3239
RCEP F	2026	2026	0	F!H3239
RCEP F	2027	2027	0	F!I3239
VIFTA	2024	2024	0	VI!F2989
VIFTA	2025	2025	0	VI!G2989
VIFTA	2026	2026	0	VI!H2989
VIFTA	2027	2027	0	VI!I2989

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Than cám (41/2019/TT-BCT)		41/2019/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-003	YELLOW	Chịu thuế bảo vệ môi trường	Cột BVMT ghi “MT” – thuế tuyệt đối theo đơn vị hàng hóa.		109/2025/UBTVQH15	Tra mức thuế theo biểu BVMT 2026 và nhập số lượng để tính.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2701.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 2% của mã 2701.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3246), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
Than cám (41/2019/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.